

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2025

*V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan .

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Thúy, bà Ngô Thị Thời.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 786/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Huyền T**, sinh năm 1993; ĐKKHKT và cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T, thể hiện:* Chị và anh Lê Văn H được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 25/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Đỉnh điểm anh H còn dính vào tệ nạn xã hội dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình. Vợ chồng ngày càng xa cách, đối xử lạnh nhạt với nhau, tình cảm rạn nứt. Chị và cháu Hoàng A đã chuyển về nhà ông bà ngoại ở Thái Bình sinh sống và làm việc, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H; Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 25/7/2013. Hiện cháu đang ở ổn định cùng chị tại Thái Bình nên sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con; Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn H trình bày:* Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh mãi chơi không quan tâm đến gia đình. Chị T có khuyên bảo nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng xích mích, anh có tát chị T nên chị T đã đưa con về nhà ông bà ngoại ở từ tháng 08/2023 đến nay. Do anh chán nản chuyện gia đình đã dẫn đến có sử dụng ma túy nên phải đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị T nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Do vậy, chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn anh cũng chấp nhận; Vợ chồng có 01 con chung thống nhất như phần trình bày của chị T, anh có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Vũ Thị Huyền T ly hôn anh Lê Văn H; Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 25/7/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh H không

phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Hải đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố H. Chị T, anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh H là phù hợp quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng, anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân, không có sự yêu thương, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp để khắc phục được tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 25/7/2013. Nguyên vọng xin nuôi con của chị T, anh H đều là chính đáng. Tuy nhiên hiện cháu Hoàng A đang ở cùng chị T, chị T xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung còn anh H đang đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu Hoàng A, cần giao cháu Hoàng A cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên:* Chị T, anh H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và

công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Huyền T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Huyền T ly hôn anh Lê Văn H.

- Về con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị Huyền T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng A, sinh ngày 25/7/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001010 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Ngọc Châu, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 25/04/2013);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhan**

